

Bài 4 GIẢI THƯỞNG TÌNH BẠN

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- 1. Phát triển kỹ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, không có lời thoại; đọc đúng các vần *oăng, oac, oach* và các tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.
- 2. Phát triển kỹ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.
- 3. Phát triển kỹ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.
- 4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** sự quan tâm, giúp đỡ bạn bè; khả năng làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức ngữ văn

- GV nắm được đặc điểm của VB (truyện không có lời thoại); nội dung của VB *Giải thưởng tình bạn*; cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.
- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo các vần *oăng, oac, oach*; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*vạch xuất phát, lấy đà, trọng tài, ngã oạch*) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

2. Kiến thức đời sống

GV có kiến thức về tâm lý của HS khi kết bạn và cách các em ứng xử với bạn.

3. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ có trong SHS (tranh ngan vịt cứu gà; tranh bé học, chơi, ăn, vẽ cùng bạn) được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

- Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.
- Khởi động:
 - + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để nói về những gì em thấy trong tranh. (Câu hỏi gợi ý: *Tranh có những nhân vật nào? Những nhân vật này đang làm gì?*)
 - + Một số (2 – 3) HS trình bày đáp án trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.
 - + GV thống nhất câu trả lời. (*Tranh có gà, ngan, vịt; Ngan, vịt giúp gà bơi vào bờ.*)
 - + GV dẫn vào bài đọc *Giải thưởng tình bạn*.

2. Đọc

- GV đọc mẫu toàn VB.
- GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới.
 - + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong VB: *oăng* (*hoăng*), *oac* (*xoạc chân*), *oạch* (*ngã oạch*).
 - + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.
 - + Một số (2 – 3) HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
- HS đọc câu.
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ tuy không chứa vần mới nhưng có thể khó đối với HS như *vạch xuất phát*, *ra hiệu*.
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Trước vạch xuất phát/ nai và hoăng/ xoạc chân lấy đà; Sau khi trọng tài ra hiệu/ hai bạn/ lao như tên bắn; Nhưng cả hai/ đều được tặng/ giải thưởng tình bạn.*)
- HS đọc đoạn.
 - + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *đứng dậy*, đoạn 2: phần còn lại).
 - + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.
 - + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (*vạch xuất phát*: đường thẳng được kẻ trên mặt đất để đánh dấu chỗ đứng của các vận động viên trước khi bắt đầu thi chạy; *lấy đà*: tạo ra cho mình một thế đứng phù hợp để có thể bắt

đầu chạy; *trọng tài*: người điều khiển và xác định thành tích trong cuộc thi; *ngã oạch*: ở đây ý nói ngã mạnh.).

- + HS đọc đoạn theo nhóm.
- HS và GV đọc toàn VB.
- + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.
- + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

TIẾT 2

3. Trả lời câu hỏi

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi. (a. *Đôi bạn trong câu chuyện là ai?* b. *Vì sao hoẵng bị ngã?* c. *Khi hoẵng ngã, nai đã làm gì?*)
 - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.
 - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. (a. *Đôi bạn trong câu chuyện là nai và hoẵng*; b. *Hoẵng bị ngã vì vấp phải một hòn đá*; c. *Khi hoẵng ngã, nai vội dừng lại, đỡ hoẵng đứng dậy*.)
- Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).

4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3

- GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c (có thể trình chiếu lên bảng để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở (*Khi hoẵng ngã, nai vội dừng lại, đỡ hoẵng đứng dậy*.)
- GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

TIẾT 3

5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.
- GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh. (*Khi học múa, em phải tập xoay chân*.)
- GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.
- GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

6. Quan sát tranh và kể lại câu chuyện *Giải thưởng tình bạn*

- HS đọc thầm lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh, nói về nội dung của từng tranh.
- + Tranh 1: Nai, hoẵng xoạc chân đứng trước vạch xuất phát cùng các con vật khác, trọng tài sư tử cầm cờ.
- + Tranh 2: Nai và hoẵng nai đang chạy ở vị trí dẫn đầu đoàn đua.
- + Tranh 3: Hoẵng vấp ngã, nai đang giúp hoẵng đứng dậy.
- + Tranh 4: Nai và hoẵng nhận giải thưởng. Giải thưởng có dòng chữ: *Giải thưởng tình bạn.*
- GV tổ chức cho HS kể lại chuyện theo tranh theo từng nhóm dựa vào từ ngữ gợi ý.
- GV cho một vài nhóm trình bày trước lớp.
- GV và HS nhận xét.

TIẾT 4

7. Nghe viết

- GV đọc to cả hai câu. (*Nai và hoẵng về đích cuối cùng. Nhưng cả hai đều được tặng giải thưởng.*)
- GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết:
 - + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.
 - + Chữ dễ viết sai chính tả như *hoẵng, tặng, thưởng.*
- GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.
- Đọc và viết chính tả:
 - + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ (*Nai và hoẵng/ về đích cuối cùng./ Nhưng cả hai/ đều được tặng giải thưởng.*). Mỗi cụm từ đọc 2 – 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.
 - + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.
 - + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.
 - + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.

8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông

- GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.
- GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những vần phù hợp.
- Một số (2 – 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).
- Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.

9. Quan sát tranh và dùng từ ngữ để nói theo tranh

- GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.

- Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.
- GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.
 - + Tranh 1: *Các bạn nhỏ cùng học với nhau.*
 - + Tranh 2: *Các bạn nhỏ cùng ăn với nhau.*
 - + Tranh 3: *Các bạn nhỏ cùng vui chơi với nhau.*
 - + Tranh 4: *Các bạn nhỏ cùng nhau tập vẽ.*
- HS và GV nhận xét.

10. Củng cố

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.
 - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
 - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.
- 